CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Ngày 30/06/2025	1,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.7%	-	-

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 2,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,225
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.12
EPS	56
P/E	25.0

DT thuần
Q2/25
1.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.99| 260%
YoY: ▲ 0.57| 71.0%

LN thuần
Q2/25
-0.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.45| 40.4%
YoY: ▲ 1.01| 60.3%

LN sau thuế
Q2/25
-0.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.23| -64.1%
YoY: ▲ 0.39| 39.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-43.2%
YoY: +/-▲ 52.2%

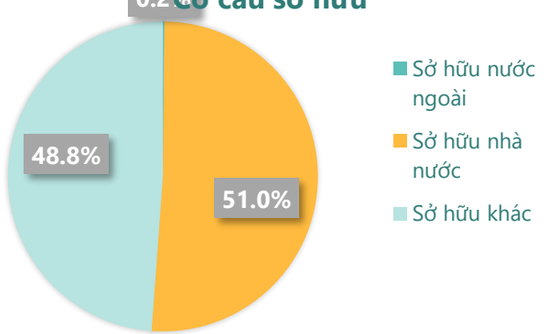
ROE (TTM)
Q2/25
1.2%
YoY: +/-▲ 0.3%

DT thuần
6T 2025
1.75
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.54| -23.7%

LN thuần
6T 2025
-1.79
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.87| 32.8%

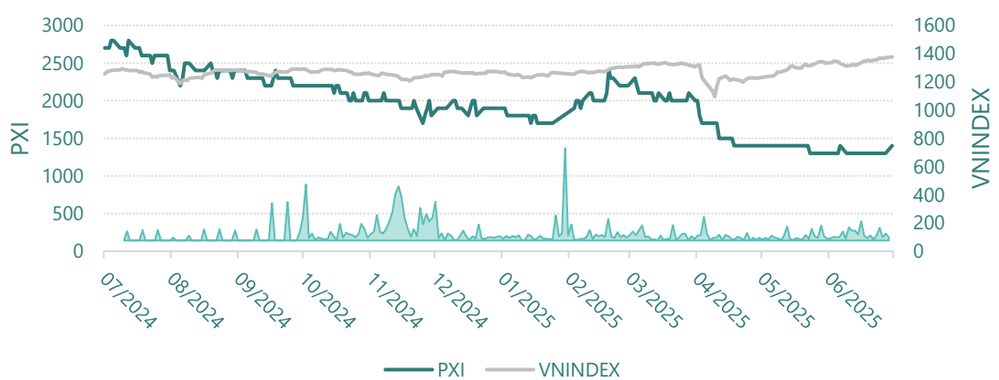
LN sau thuế
6T 2025
-0.95
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.31| 57.8%

Cơ cấu sở hữu

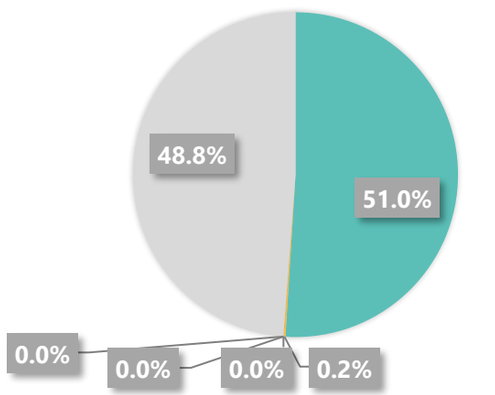


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



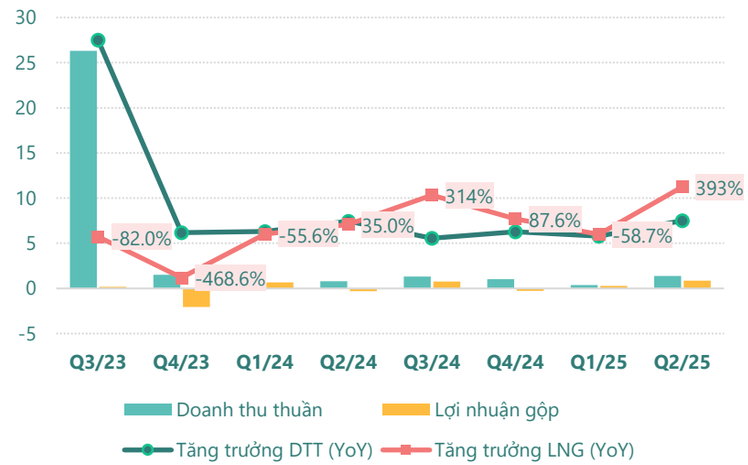
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

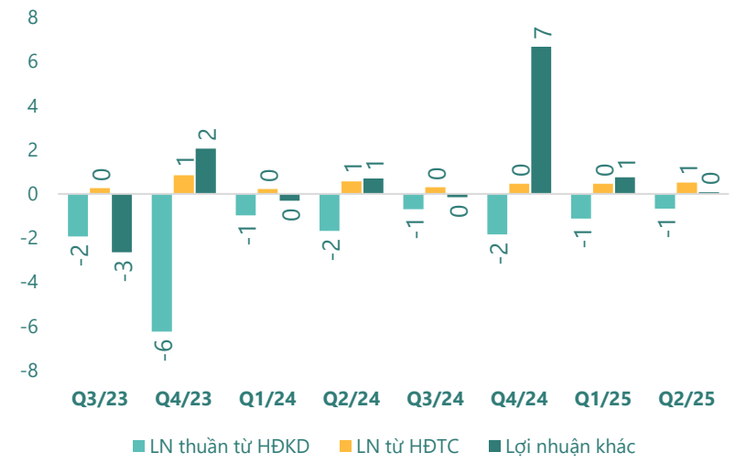
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



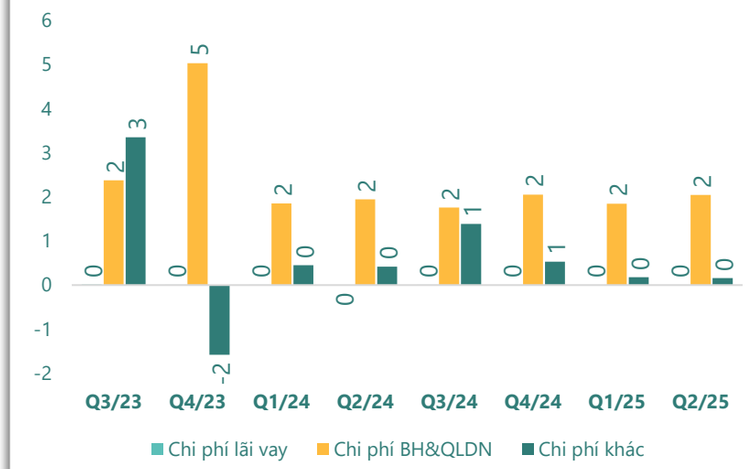
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



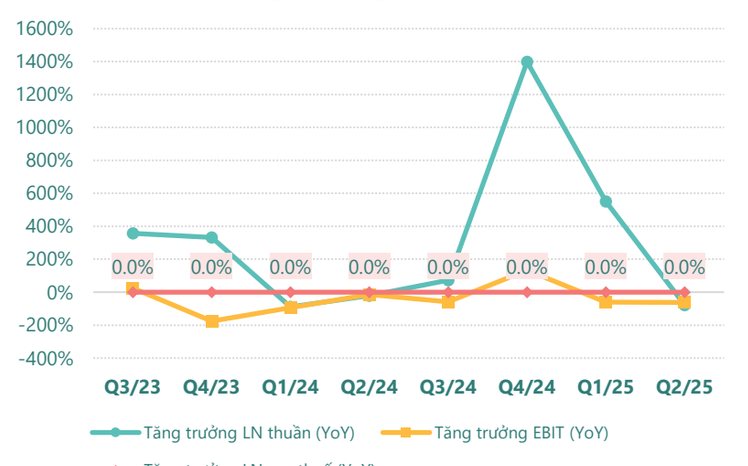
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



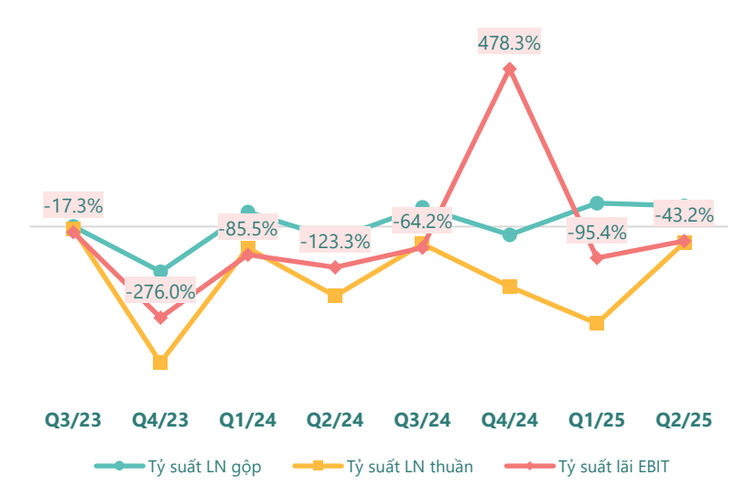
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



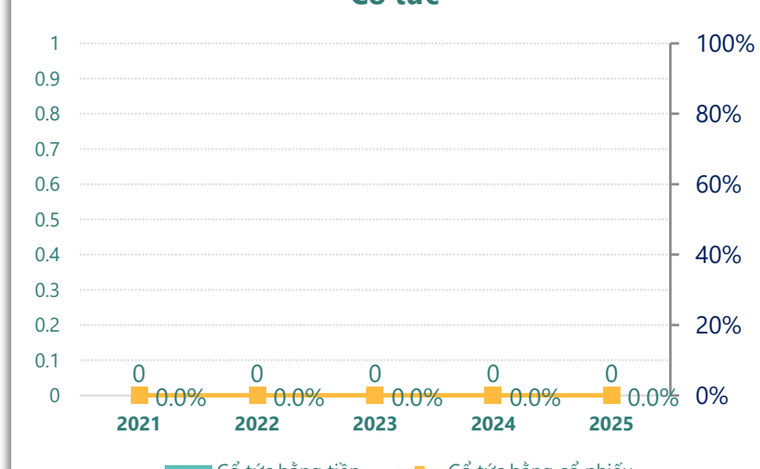
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

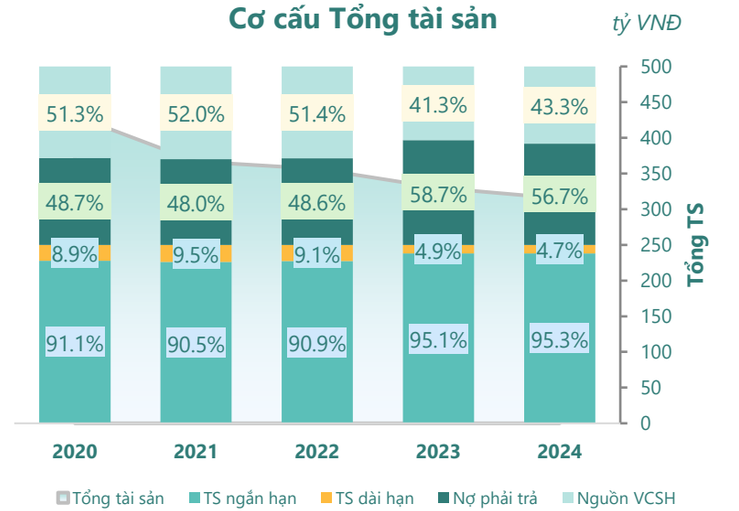
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

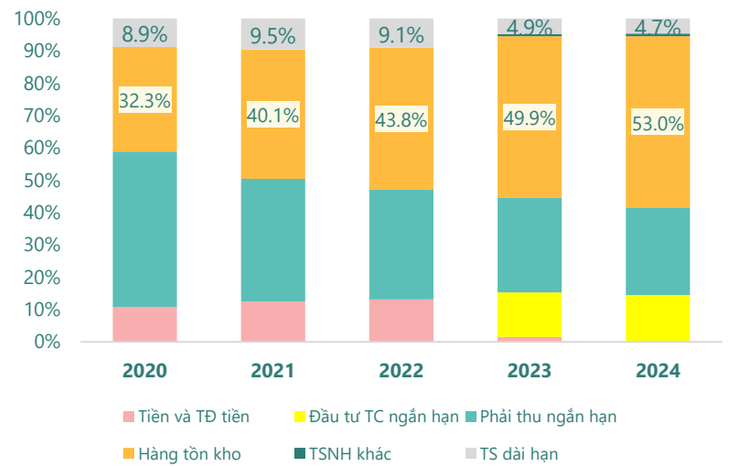
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



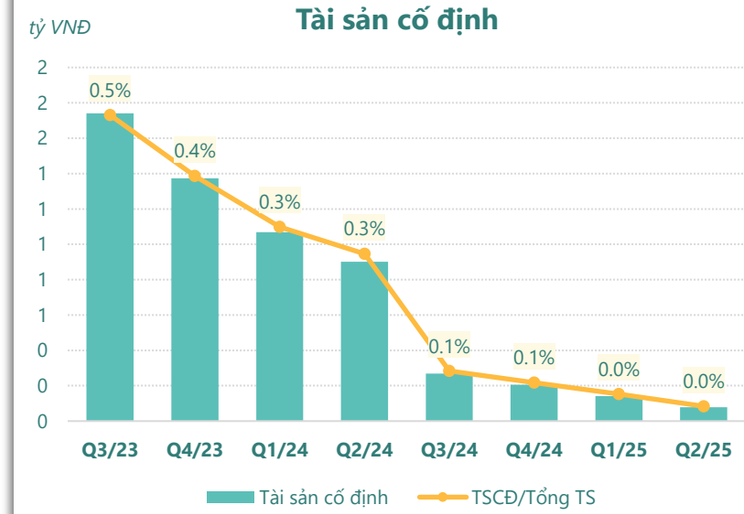
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



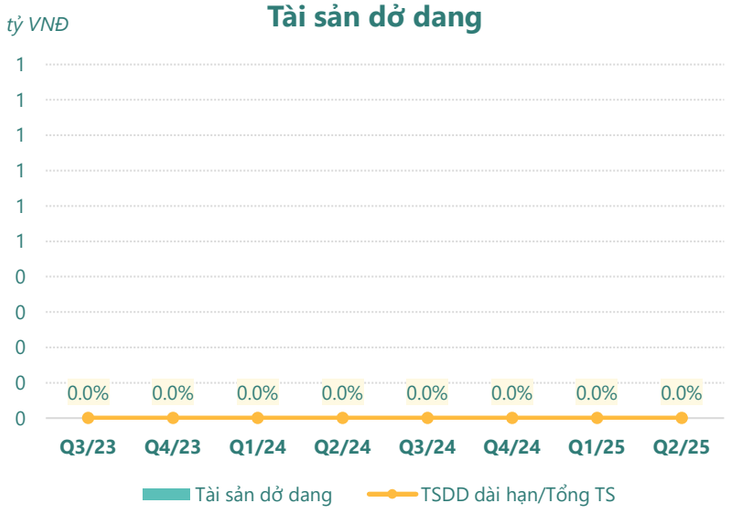
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



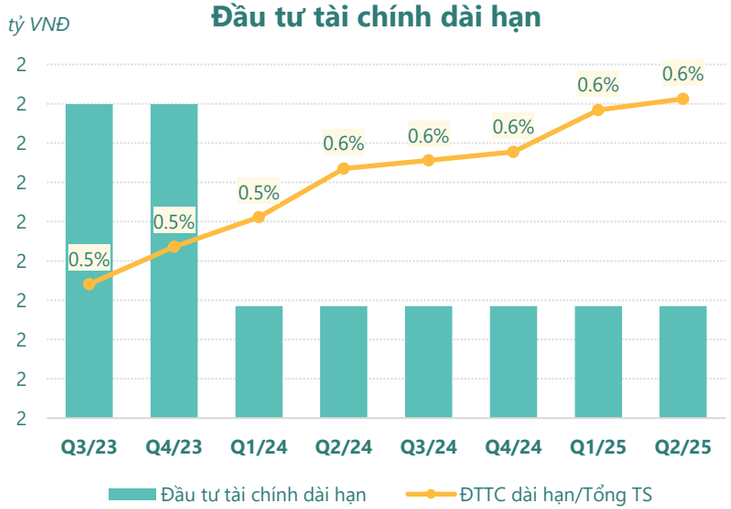
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



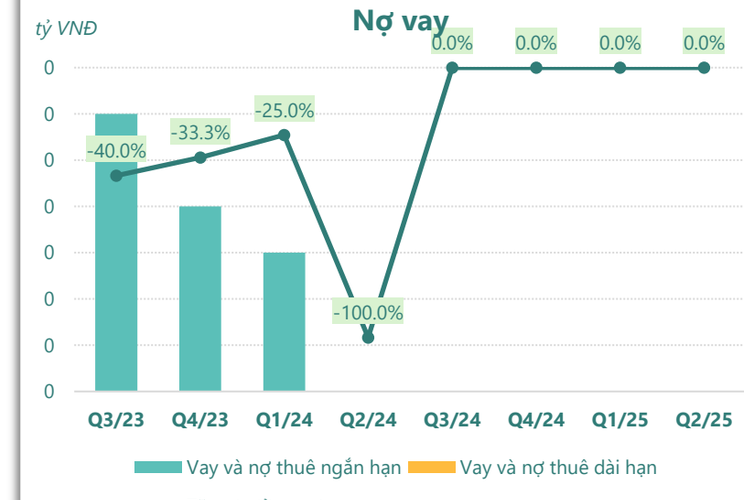
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

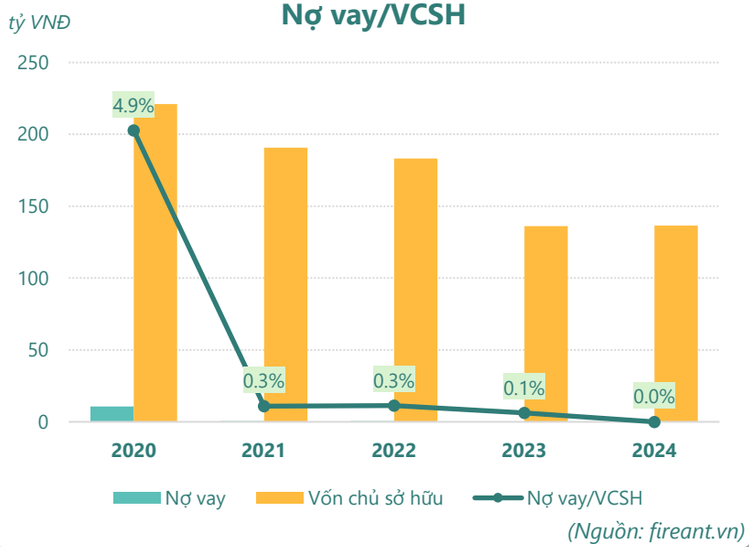
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

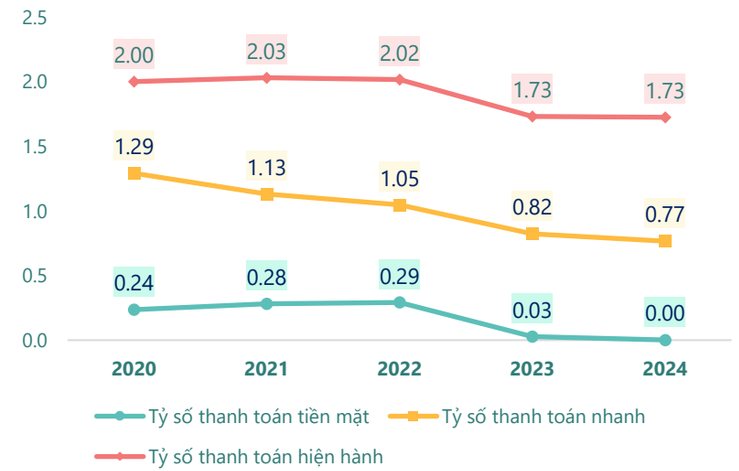
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



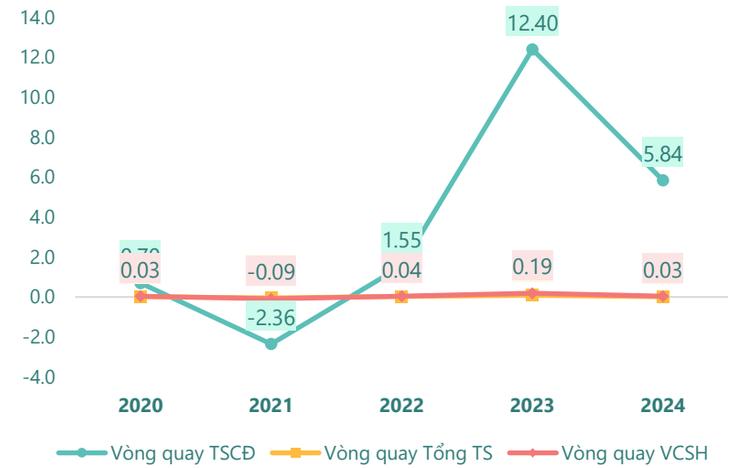
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



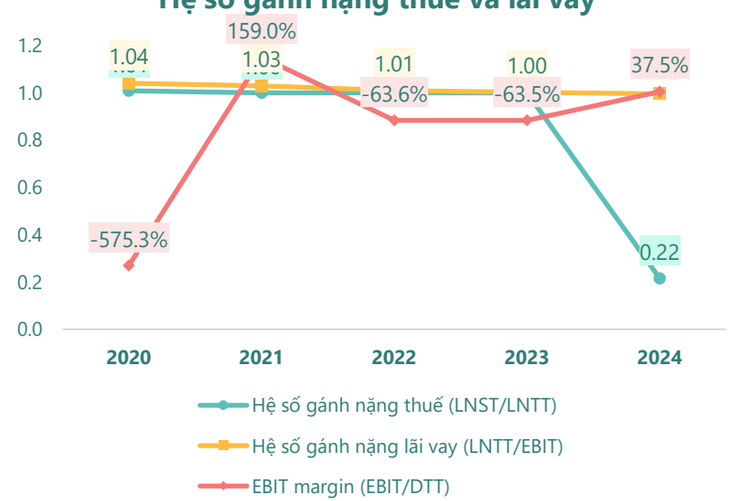
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



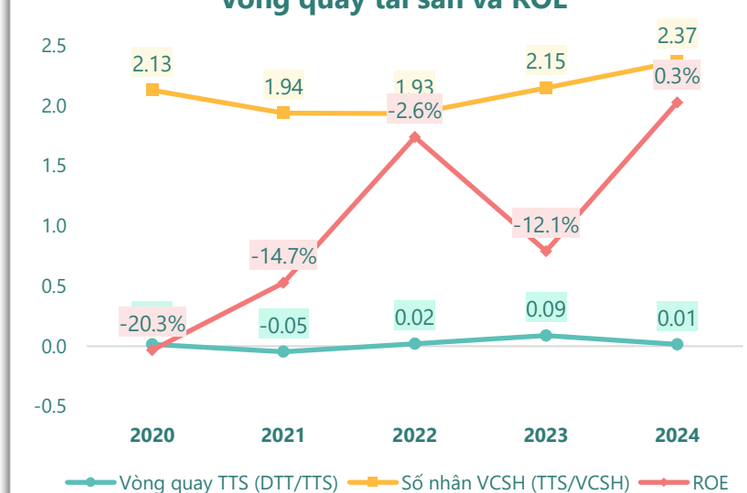
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



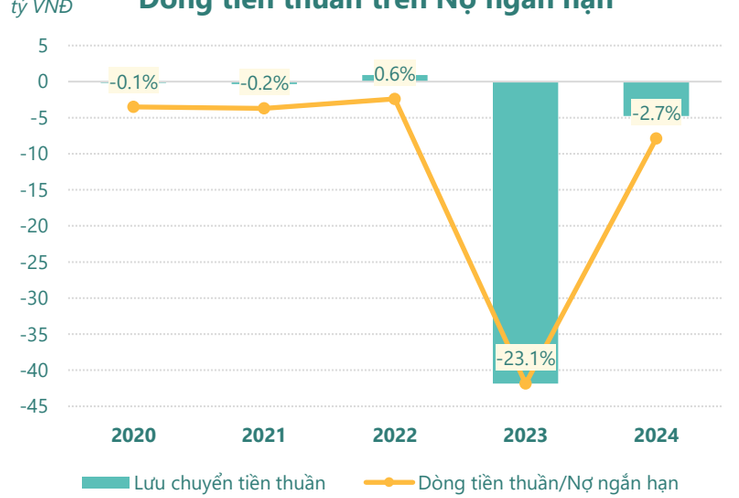
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.37**	**0.80**	**71.0%**	**1.75**	**2.29**	**-23.7%**
Giá vốn hàng bán	0.50	1.09	-54.0%	0.61	1.93	-68.4%
Lợi nhuận gộp	0.87	-0.30	389%	1.14	0.36	215%
Doanh thu HĐTC	0.51	0.56	-9.4%	0.97	0.78	23.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.04**	**1.95**	**4.7%**	**3.89**	**3.80**	**2.4%**
LN thuần từ HĐKD	-0.67	-1.68	60.3%	-1.79	-2.66	32.8%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.70**	**-89.1%**	**0.83**	**0.39**	**111%**
LN trước thuế	-0.59	-0.98	39.7%	-0.95	-2.26	57.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.59**	**-0.98**	**39.7%**	**-0.95**	**-2.26**	**57.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.59**	**-0.98**	**39.7%**	**-0.95**	**-2.26**	**57.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.84	-1.31	-0.92	-3.18	-0.65	2.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.08	0.00	1.16	1.48	1.19	0.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.07	-0.15	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	5.01	3.17	1.72	1.96	0.26	0.79
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.83**	**-1.46**	**0.24**	**-1.70**	**0.53**	**3.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.17	1.72	1.96	0.26	0.79	3.82

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**309**	**315**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	294	300	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	3.82	0.26	1380%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.6	45.3	0.7%
Phải thu ngắn hạn	74.0	85.5	-13.5%
Hàng tồn kho	168	167	0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.71	2.37	14.0%
Tài sản dài hạn	**14.7**	**14.9**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	12.9	12.9	0.0%
Tài sản cố định	0.08	0.21	-62.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.77	1.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	173	179	-3.0%
Nợ ngắn hạn	**169**	**174**	**-3.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	67.6	70.0	-3.6%
Nợ dài hạn	4.87	4.87	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**136**	**136**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**136**	**136**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)